

Số: TVHN-247/AGIA

An Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên dần.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước đang lên nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên nhanh, mực nước cao nhất ngày 03/9 hầu hết ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-40cm; mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-90cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên nhanh theo triều, mực nước cao nhất ngày 03/9 thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-40cm; mực nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-25cm, thấp hơn cùng kỳ năm TBNN từ 25-55cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 03/9 hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-50cm. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô và Vĩnh Gia, mực nước cao nhất và thấp nhất đều ở mức xấp xỉ và cao hơn từ 35-40cm so với cùng kỳ năm 2024, thấp hơn từ 45-80cm so với TBNN.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước dao động theo xu thế triều biến Tây, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 03/9 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-15cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lượng nước lũ sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông, kênh lên nhanh trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao nhất và thấp nhất lên nhanh theo triều biến Đông trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên dần theo xu thế triều biến Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 05/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 03/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			04/9	05/9	06/9	07/9	08/9	04/9	05/9	06/9	07/9	08/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	217	38	-91	249	12	-77	273	286	294	302	308	225	241	251	261	269
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	136	26	-42	192	-18	-26	214	226	236	244	250	133	147	157	167	175
Hậu	Khánh An	420	470	520	355	37	-31	365	36	-20	373	383	396	404	412	368	376	384	396	405
	Châu Đốc	300	350	400	175	15	-82	214	-19	-67	239	249	259	267	273	182	195	205	213	221
	Long Xuyên	190	220	250	88	7	-24	170	-39	-15	196	210	220	230	237	90	96	106	116	124
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	139	18	-56	193	-22	-41	214	228	238	246	252	140	154	164	174	182
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	158	38	-75	165	36	-78	166	168	170	172	175	160	162	164	167	170
	Vinh Gia	200	240	280	73	-8	-45	78	-9	-53	79	81	83	85	87	74	76	78	80	82
	Vinh Điều	170	200	230	65	-11	-8	74	-12	-12	75	77	78	79	79	65	67	69	71	72
T3	Vinh Phú	150	180	210	66	-16	-12	71	-18	-11	72	74	75	76	76	67	69	71	73	74
T5	Nông Trường	160	190	220	75	-12	-9	79	-15	-9	80	82	83	84	84	76	78	79	80	81
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	107	5	-47	114	1	-44	115	117	119	121	122	108	110	112	114	116
	Cô Tô	140	180	220	108	-2	-8	112	-4	-8	113	115	117	119	120	109	111	113	115	117
	Nam Thái Sơn	90	120	150	76	-7	-	82	-6	-	83	85	87	89	90	77	79	81	83	85
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	74	-5	-46	77	-10	-49	78	80	82	84	85	75	77	79	81	83
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	120	-3	-3	130	-5	7	130	132	134	136	139	120	122	124	126	129
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	147	7	-28	166	-4	-20	167	169	172	175	178	147	149	151	153	156
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	107	-3	-20	121	-14	-14	121	123	125	127	130	107	109	111	113	115
	Tân Thành	120	150	180	85	-11	1	97	-8	6	97	99	101	103	105	86	88	89	90	92
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	70	-4	8	79	-5	11	79	81	82	83	85	71	73	74	75	77
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	6	5	11	48	-7	1	48	50	52	53	54	5	7	5	3	0
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-7	11	15	54	6	4	56	62	68	74	75	-6	-14	-20	-26	-30

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





